

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1297/2021/KDTM-ST
Ngày: 18/05/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1838/2021/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TTP

Trụ sở: đường L, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1978

Địa chỉ: đường D, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty C

Trụ sở: Đường N, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm V, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đường C, khu phố N, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Công ty TTP do ông Nguyễn Trọng D là đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 01/8/2019, Công ty TTP (viết tắt là Công ty TTP) và Công ty C (viết tắt là Công ty C) ký hợp đồng nguyên tắc số 01.2019/HĐKT/TTP-C, theo đó, Công ty TTP bán cho Công ty C các loại sắt, thép ... và Công ty C có trách nhiệm thanh toán vào tuần thứ 3 sau khi nhận được hồ sơ thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã nhiều lần giao hàng và xuất hóa đơn thanh toán cho Công ty C theo các hóa đơn sau: Hóa đơn số 11 ngày 24/9/2019, số tiền phải thanh toán là 128.038.119, bị đơn đã thanh toán 90.445.419 đồng, số tiền còn lại phải thanh toán là 37.592.700 đồng; Hóa đơn số 18 ngày 30/9/2019 số tiền phải thanh toán là 63.275.648 đồng; Hóa đơn số 41 ngày 28/10/2019, số tiền phải thanh toán là 30.540.840 đồng; Hóa đơn số 42 ngày 28/10/2019 số tiền phải thanh toán là 42.657.120 đồng; Hóa đơn số 44 ngày 30/10/2019 số tiền phải thanh toán là 20.695.895 đồng; Hóa đơn số 60 ngày 18/11/2019 số tiền phải thanh toán là 44.848.155 đồng; Hóa đơn số 61 ngày 18/11/2019 số tiền phải thanh toán là 37.792.370 đồng.

Ngày 24/4/2020, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và Công ty C đã đồng ý ký xác nhận tính đến ngày 17/12/2019, Công ty C còn nợ nguyên đơn số tiền 277.402.728 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán công nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty C thanh toán số tiền nợ gốc còn nợ là 277.402.728 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Á Châu là 14,25%/năm, tính từ ngày 18/12/2019 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 26/3/2021 là 464 ngày, số tiền lãi là 50.251.000 đồng. Tổng cộng là 327.653.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Công ty TTP do ông Nguyễn Trọng D là đại diện thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, yêu cầu Công ty C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 277.402.728 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Á Châu là 13,5%/năm (9% x 150%), tính từ ngày 10/5/2021 đến ngày xét xử là 373 ngày, số tiền lãi là 38.270.000 đồng. Tổng cộng là 315.672.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TTP khởi kiện yêu cầu Công ty C có trách nhiệm trả số tiền mua hàng hóa chưa thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán. Bị đơn Công ty C có trụ sở tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn Công ty C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bị đơn Công ty C vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Công ty TTP thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Tuy nhiên, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ hợp đồng nguyên tắc số 01.2019/HĐKT/TTP-CIE ngày 01/8/2019, các hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty TTP phát hành và đối chiếu công nợ ngày 24/4/2020 giữa Công ty TTP và Công ty C thì giữa hai bên có quan hệ mua bán các loại sắt thép, tính đến ngày 17/12/2019, Công ty C còn nợ Công ty TTP số tiền 277.402.728 đồng.

Theo Điều 3 của hợp đồng trên thì Công ty C có trách nhiệm thanh toán vào tuần thứ 3 sau khi nhận được hồ sơ thanh toán và Điều 50 Luật Thương mại thì Công ty C có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

Xét tại văn bản đối chiếu công nợ ngày 24/4/2020, Công ty C đã xác nhận công nợ phát sinh từ ngày 05/8/2019 đến ngày 18/11/2019 và còn nợ Công ty TTP số tiền 277.402.728 đồng. Điều này cho thấy Công ty C đã mua hàng hóa của Công ty TTP và chưa thanh toán số tiền trên. Do Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty TTP khởi kiện yêu cầu Công ty C trả số tiền mua hàng còn nợ 277.402.728 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán: Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét đối chiếu công nợ ngày 24/4/2020 có nội dung “*Trong vòng 10 ngày nhận đối chiếu công nợ nếu như không nhận được phản hồi xem như quý vị đã đồng ý với số liệu của chúng tôi*”. Hơn nữa, theo Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc số 01.2019/HĐKT/TTP-CIE ngày 01/8/2019, trường hợp Công ty C chậm thanh toán thì

Công ty C chịu tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo lãi suất của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán. Như vậy, ngày chậm thanh toán bắt đầu từ ngày 10/5/2020. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày 10/5/2020, theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) là phù hợp với Điều 306 Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Văn bản số 1048/CV-QLN.21 ngày 30/3/2021 của Ngân hàng TMCP Á Châu thì mức lãi suất chậm thanh toán là 13,5%/năm (9%/năm x 150%). Do Công ty C chậm thanh toán nên phải trả lãi chậm trả dựa trên số tiền còn nợ tính từ ngày 10/5/2020 đến ngày xét xử là 373 ngày, số tiền lãi là 38.270.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức và yêu cầu khởi kiện của Công ty TTP là có căn cứ.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty C phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 315.672.000 đồng theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TTP.

Công ty C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TTP số tiền công nợ chưa thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán tổng cộng là 315.672.000 (Ba trăm mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

2. Trường hợp Công ty C chậm trả tiền thì Công ty C phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty C phải chịu là 15.783.600 (Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm) đồng.

Trả lại cho Công ty TTP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.935.068 (Sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0058079 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty TTP được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu